



Xác định chữ cái nào thể hiện tốt nhất trọng lượng.

Câu trả lời

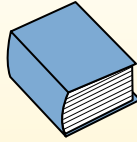
Grams (g)

Un gramo es aproximadamente el peso de un clip.



Kilogramo (kilogramo)

Un kilogramo es aproximadamente el peso de un libro grueso.



Recuerda:

Kilo significa 1,000. Entonces, un kilogramo son 1,000 gramos. 1 kilogramo también pesa aproximadamente lo mismo que 2 libras.

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____

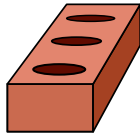
1)



Nến

- A. 10 kilograms
- B. 500 grams
- C. 4 grams
- D. 2 kilograms

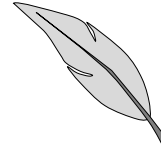
2)



Gạch

- A. 2 kilograms
- B. 500 kilograms
- C. 3 grams
- D. 500 grams

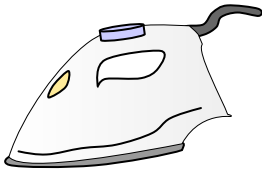
3)



Lông vũ

- A. 200 grams
- B. 200 kilograms
- C. 1 kilogram
- D. 1 gram

4)



Bàn ủi quần áo

- A. 15 grams
- B. 100 grams
- C. 15 kilograms
- D. 2 kilograms

5)



Xẻng

- A. 30 kilograms
- B. 5 kilograms
- C. 10 grams
- D. 1 gram

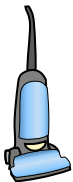
6)



Tủ đựng hồ sơ

- A. 1 gram
- B. 1 kilogram
- C. 55 kilograms
- D. 300 grams

7)



Máy hút bụi

- A. 20 kilograms
- B. 500 kilograms
- C. 90 grams
- D. 50 grams

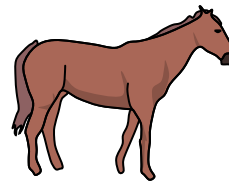
8)



USB

- A. 10 grams
- B. 90 kilograms
- C. 10 kilograms
- D. 1 kilogram

9)



Ngựa trưởng thành

- A. 30 kilograms
- B. 400 kilograms
- C. 400 grams
- D. 30 grams



Xác định chữ cái nào thể hiện tốt nhất trọng lượng.

Câu trả lời

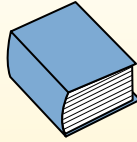
Gram (g)

Un gramo es aproximadamente el peso de un clip.



Kilogramo (kilogramo)

Un kilogramo es aproximadamente el peso de un libro grueso.



Recuerda:

Kilo significa 1,000. Entonces, un kilogramo son 1,000 gramos. 1 kilogramo también pesa aproximadamente lo mismo que 2 libras.

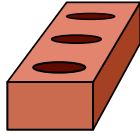
1)



Nến

- A. 10 kilograms
- B. 500 grams
- C. 4 grams
- D. 2 kilograms

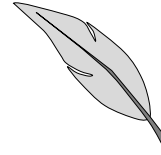
2)



Gạch

- A. 2 kilograms
- B. 500 kilograms
- C. 3 grams
- D. 500 grams

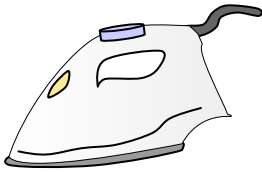
3)



Lông vũ

- A. 200 grams
- B. 200 kilograms
- C. 1 kilogram
- D. 1 gram

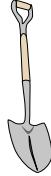
4)



Bàn ủi quần áo

- A. 15 grams
- B. 100 grams
- C. 15 kilograms
- D. 2 kilograms

5)



Xẻng

- A. 30 kilograms
- B. 5 kilograms
- C. 10 grams
- D. 1 gram

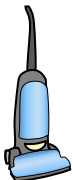
6)



Tủ đựng hồ sơ

- A. 1 gram
- B. 1 kilogram
- C. 55 kilograms
- D. 300 grams

7)



Máy hút bụi

- A. 20 kilograms
- B. 500 kilograms
- C. 90 grams
- D. 50 grams

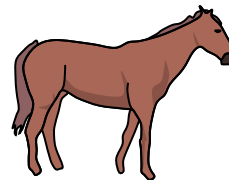
8)



USB

- A. 10 grams
- B. 90 kilograms
- C. 10 kilograms
- D. 1 kilogram

9)



Ngựa trưởng thành

- A. 30 kilograms
- B. 400 kilograms
- C. 400 grams
- D. 30 grams

- 1. **C**
- 2. **A**
- 3. **D**
- 4. **D**
- 5. **B**
- 6. **C**
- 7. **A**
- 8. **A**
- 9. **B**